

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2026/DS-ST
Ngày: 15 - 6 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm
cố tài sản và hợp đồng thuê tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bé Ngọc.
- Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2026/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: Số A Đường N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Đ; sinh năm: 1991 - Nhân viên Công ty Cổ phần S Có Ngay. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Chi nhánh H1 - Công ty Cổ phần S Có Ngay; Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/9/2025).

2. Bị đơn: Anh Võ Văn H; sinh năm: 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY (SVN) thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 19/02/2025, anh Võ Văn H và Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY có ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản số VYM250201006NA15X. Theo đó, anh Võ Văn H cầm cố cho Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY tài sản là: 01 xe máy biển số 95B1-233.13 theo Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 012942 do Công an tỉnh H cấp ngày 08/12/2015, tên chủ xe Võ Văn H. Số tiền cầm cố là 6.010.638,30 đồng. Thời hạn cầm cố là 06 tháng, kể từ ngày 19/02/2025. Lãi suất 1,1%/tháng. Cùng ngày, giữa Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY và anh Võ Văn H có ký Thỏa thuận thuê tài sản để giao lại xe cho anh Võ Văn H thuê làm phương tiện di chuyển.

Từ khi ký kết hợp đồng và nhận tiền đến nay, anh Võ Văn H đã thanh toán cho Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY một phần tiền gốc, lãi và phí sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY yêu cầu buộc anh Võ Văn H thanh toán tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.733.737 đồng (bao gồm: Nợ gốc: 4.070.351 đồng; nợ lãi trong hạn: 179.096 đồng; lãi quá hạn: 940.254 đồng và tiền thuê xe: 4.544.036 đồng) và tiếp tục chịu các khoản lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết ngày 19/02/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn anh Võ Văn H vắng mặt, không có lý do và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ: Bản tự khai của nguyên đơn; Hồ sơ Hợp đồng cầm cố tài sản và Thỏa thuận thuê tài sản; Hồ sơ tư cách pháp nhân doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh); Hồ sơ ủy quyền (Giấy ủy quyền; Căn cước công dân của người được ủy quyền); Bảng kê số tiền phải đóng của khách hàng; Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã giao nộp chứng cứ: Không có.

Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Không có.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất và không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn là doanh nghiệp (có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là cá nhân (không có đăng ký kinh doanh) thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê tài sản đã giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ.

[3] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn trả lại tài sản cầm cố và thanh toán các khoản phí. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã rút. Nguyên đơn có quyền

khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu khởi kiện đã rút và được đình chỉ theo quy định của pháp luật.

[5] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng cầm cố tài sản giữa các bên được xác lập vào ngày 19/02/2025 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[6] Về hiệu lực của hợp đồng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, lãi theo Hợp đồng cầm cố tài sản ký kết ngày 19/02/2025 và tiền thuê xe theo Thỏa thuận thuê tài sản ký kết ngày 19/02/2025. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án hồ sơ Hợp đồng cầm cố tài sản số VYM250201006NA15X và Thỏa thuận thuê tài sản được ký kết ngày 19/02/2025 giữa Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY và anh Võ Văn H. Xét nội dung “Hợp đồng cầm cố” và “Thỏa thuận thuê tài sản” ngày 19/02/2025 thể hiện đầy đủ thông tin cá nhân của anh Võ Văn H là bên cầm cố, bên dưới chữ “Khách hàng, (Ký, ghi rõ họ tên)” có chữ ký và ghi rõ họ và tên Võ Văn H. Bị đơn anh Võ Văn H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không thể hiện ý kiến hay phản đối đối với yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và *“đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản (thuê xe) vào ngày 19/02/2025 với nội dung thỏa thuận như thể hiện trong hợp đồng mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Bên cạnh đó, xét thấy hợp đồng giữa các bên đáp ứng đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

[7] Về số tiền cầm cố: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố, nguyên đơn đã nhận cầm cố tài sản là 01 xe máy biển số 95B1-233.13 theo Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 012942 do Công an tỉnh H cấp ngày 08/12/2015, tên chủ xe Võ Văn H với số tiền cầm cố là 6.010.638,30 đồng; thời hạn cầm cố là 06 tháng, kể từ ngày 19/02/2025; thời hạn thanh toán là thanh toán định kỳ hàng tháng. Bị đơn đã nhận đủ số tiền cầm cố là 6.010.638,30 đồng

và giao tài sản cầm cố cho nguyên đơn nhưng sau đó hai bên thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn mượn lại xe theo Thỏa thuận thuê tài sản được ký kết cùng ngày. Từ khi ký kết hợp đồng và nhận tiền đến nay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn một phần tiền gốc, lãi và phí sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày xét xử, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 4.070.351 đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 4 và Điều 9 của Hợp đồng cầm cố thì bên cầm cố cam kết thanh toán tiền kỳ hàng tháng cho bên nhận cầm cố. Theo văn bản “Phụ lục hợp đồng cầm cố” kèm theo hợp đồng cầm cố được bị đơn ký xác nhận, thì bên cầm cố có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc, lãi và các khoản theo đúng ngày quy định và số tiền thanh toán. Như vậy, việc bị đơn không thanh toán nợ gốc đúng hạn cho nguyên đơn là vi phạm Điều 4, Điều 9 của Hợp đồng cầm cố và văn bản “Phụ lục hợp đồng cầm cố” nên nguyên đơn có quyền thu hồi nợ hoặc xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ. Tuy nhiên, do bị đơn đang giữ tài sản cầm cố và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên bị đơn không thể thực hiện được việc xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền cầm cố đã nhận còn lại là 4.070.351 đồng.

[8] Về nợ lãi: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố, lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng/dư nợ thực tế; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn. Xét thấy, mặc dù các bên không giao kết hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật, nhưng các bên có thỏa thuận rõ ràng về lãi suất và việc trả lãi tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố và văn bản “Phụ lục hợp đồng cầm cố” kèm theo hợp đồng cầm cố. Xét thấy, thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực. Theo quy định tại khoản 2 Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015, từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Theo bảng kê nợ do nguyên đơn cung cấp, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn nợ lãi trong hạn: 179.096 đồng và lãi quá hạn: 940.254 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ lãi trong hạn với số tiền: 179.096 đồng và nợ lãi quá hạn với số tiền: 940.254 đồng.

[9] Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ: Tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các

bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo hợp đồng, lãi suất do các bên thỏa thuận là 1,1%/tháng tương đương 13,2%/năm. Lãi suất thỏa thuận này không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[10] Về số tiền thuê tài sản: Theo thỏa thuận trong “Thỏa thuận thuê tài sản” được ký kết giữa bên nhận cầm cố (nguyên đơn) và bên cầm cố (bị đơn) ngày 19/02/2025, nguyên đơn cho bị đơn thuê lại tài sản là 01 xe máy biển số 95B1-233.13 (là tài sản mà bị đơn cầm cố cho nguyên đơn theo hợp đồng cầm cố) với giá thuê tài sản là 324.574,47 đồng/tháng, thời hạn thuê kể từ ngày 19/02/2025 đến ngày 19/8/2025. Tại khoản 3 Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định bên nhận cầm cố có quyền: *“Được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận”*. Vì vậy, việc bên nhận cầm cố (nguyên đơn) cho bên cầm cố (bị đơn) thuê tài sản cầm cố là không trái quy định của pháp luật. Tại Điều 2 của “Thỏa thuận thuê tài sản” quy định: Tại ngày kết thúc thời hạn thuê mà khách hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng cầm cố và SVN không thực hiện quyền đòi lại tài sản thì thời hạn thuê tài sản sẽ được tự động gia hạn cho đến ngày khách hàng hoàn thành mọi nghĩa vụ thanh toán tại hợp đồng cầm cố hoặc thời điểm SVN thực hiện quyền đòi lại tài sản, tùy thời điểm nào tới trước. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì thời hạn thuê đã kết thúc nhưng bị đơn vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố và vẫn chưa trả lại tài sản thuê cho nguyên đơn cũng như chưa thanh toán tiền thuê cho nguyên đơn theo thỏa thuận trong “Thỏa thuận thuê tài sản”. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền thuê tài sản (xe) còn nợ với số tiền 4.544.036 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[11] Đối với việc nguyên đơn giữ Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy của bị đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên cầm cố có quyền *“yêu cầu bên nhận cầm cố trả lại tài sản cầm cố và giấy tờ liên quan, nếu có khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt”*. Theo quy định tại khoản 4 Điều 313 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên nhận cầm cố có nghĩa vụ *“trả lại tài sản cầm cố và giấy tờ liên quan, nếu có khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác”*. Theo quy định tại Điều 316 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *“Khi việc cầm cố tài sản chấm dứt theo quy định tại khoản 1 và khoản 2*

Điều 315 của Bộ luật này hoặc theo thỏa thuận của các bên thì tài sản cầm cố, giấy tờ liên quan đến tài sản cầm cố được trả lại cho bên cầm cố.”. Vì vậy, ngay sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có trách nhiệm giao trả lại Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mô tô, xe gắn máy cho bị đơn.

[12] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[13] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314, Điều 315, Điều 316, Điều 385, Điều 401 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY đối với bị đơn anh Võ Văn H.

1.1. Buộc bị đơn anh Võ Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố tài sản là: 5.189.701 đồng (năm triệu một trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm lẻ một đồng), bao gồm số tiền cầm cố còn nợ: 4.070.351 đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm năm mươi một đồng), nợ lãi trong hạn: 179.096 đồng (một trăm bảy mươi chín nghìn không trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn: 940.254 đồng (chín trăm bốn mươi nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án đối với số tiền cầm cố còn nợ theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố tài sản số VYM250201006NA15X được ký kết ngày 19/02/2025 giữa Công ty Cổ phần S TIỀN CỐ NGAY và anh Võ Văn H.

1.2. Buộc bị đơn anh Võ Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S TIỀN CỐ NGAY số tiền còn nợ theo hợp đồng thuê tài sản là: 4.544.036 đồng (bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Ngay sau khi anh Võ Văn H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì Công ty Cổ phần S TIỀN CỐ NGAY có trách nhiệm trả lại cho anh Võ Văn H bản chính Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 012942 do Công an tỉnh H cấp ngày 08/12/2015, tên chủ xe Võ Văn H.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc bị đơn trả lại tài sản cầm cố và trả các khoản phí còn nợ. Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu buộc bị đơn trả lại tài sản cầm cố và trả các khoản phí còn nợ theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

4.1. Bị đơn anh Võ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 486.687 đồng (bốn trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

4.2. Trả lại cho nguyên đơn Công ty Cổ phần S TIỀN CỐ NGAY số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002559 ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;
(Phòng THADS khu vực 11 - Cần Thơ);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ánh Trúc